TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 20-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh Long An. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D trình bày: bà và ông T cưới nhau vào năm 2007, do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2007 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian vợ chồng chung sống không được hạnh phúc vì ông T không lo làm ăn, vợ chồng tính tình không hòa hợp nên bất đồng quan điểm về nhiều việc dẫn đến mâu thuẫn và không còn tình cảm, cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông

T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Thanh T, sinh ngày 24/12/2008 đang sống chung với bà từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Bà D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông Trần Thanh T, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà D và ông T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Thanh T cưới nhau vào năm 2007, do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2007 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà D trình bày do vợ chồng tính tình không hòa hợp, ông T không lo làm ăn theo mong muốn của bà D dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được và ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Đối với ông T, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T.

[5]. Về nuôi con chung: bà D và ông T có 01 con chung tên Trần Lê Thanh T, sinh ngày 24/12/2008 đang sống chung với bà D từ lúc vợ chồng ly thân đến nay, bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ

lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với bà D đang có cuộc sống ổn định, con chung cũng có nguyện vọng sống với bà D nên bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp cần chấp nhận. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Ông T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu ông T có căn cứ chứng minh bà D hạn chế quyền thăm nom con hoặc không đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung bà D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7]. Về án phí: bà D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy D về việc ly hôn đối với ông Trần Thanh T.

Về hôn nhân: bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Thanh T.

Về nuôi con chung: bà D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Lê Thanh T, sinh ngày 24/12/2008, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: bà Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004882 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đượ thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đượ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang